TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 119/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Tuấn Hải
Ông Trần Hoàng Mến
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa*:** ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 509/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 141/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh A.
Bị đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2025, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L như sau:

Bà L và ông P quen nhau vào năm 2005, sau thời gian tìm hiểu thì hai người có tình cảm với nhau và quyết định tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006, ông bà có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh K vào ngày 11/5/2006. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được 15 năm thì bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Phi thường X ăn nhậu về dùng lời lẽ xúc phạm bà L nên hai người không hợp, bất đồng quan điểm sống làm cho đời sống vợ chồng không

còn hạnh phúc nên bà với ông P đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà L cũng suy nghĩ rất kỹ là không thể tiếp tục hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà không còn tình cảm với ông P nên bà quyết định ly hôn với ông P.

Quá trình sống chung với ông P, ông bà có hai người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 16/10/2006 và Nguyễn Phi N, sinh ngày 23/10/2008; con tên Nguyễn Anh K đã trưởng thành và có gia đình sống riêng; con tên Nguyễn Phi N sống với ông P từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Bà L xác định bà và ông P không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Về con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 16/10/2006 đã trưởng thành và có gia đình sống riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà L đồng ý giao con tên Nguyễn Phi N, sinh ngày 23/10/2008 cho ông P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà L không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông P không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Về con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 16/10/2006 đã trưởng thành và có gia đình sống riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà L đồng ý giao con tên Nguyễn Phi N, sinh ngày 23/10/2008 cho ông P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Bị đơn là ông Nguyễn Văn P có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp A, xã G, tỉnh A nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "ly hôn" và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn P với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông P vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn P tự quen biết vào năm 2005, tìm hiểu được tthời gian thì ông bà có tình cảm với nhau và ông bà tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006, ông bà có tổ chức đám cưới và ông bà có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh K vào số 78 quyển số 5 ngày 11/5/2006, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là bà có nguyện vọng được ly hôn với ông P lý do ông P thường xuyên ăn nhậu về dùng lời lẽ xúc phạm bà L nên hai người không hợp, bất đồng quan điểm sống làm cho đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà L với ông P đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà L cũng suy nghĩ rất kỹ là không thể tiếp tục hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà không còn tình cảm với ông P nên bà quyết định ly hôn với ông P. Tòa án đã tiến hành thông báo mời hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng ông P không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà, bà L và ông P cũng không gặp và bà L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông P vì bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông P. HĐXX thấy rằng, quá trình sống chung vợ chồng ông bà đã không nhường nhịn lẫn nhau để giải quyết các mẫu thuẫn chung vợ chồng mà ông bà làm cho hôn nhân ngày càng căng thẳng, thậm chí ông bà cũng đã tự ly thân từ năm 2024 đến này cho thấy ông bà không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà L khai trong quá trình sống chung với ông P, ông bà có hai người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 16/10/2006 và Nguyễn Phi N, sinh ngày 23/10/2008. Về con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 16/10/2006 đã trưởng thành và có gia đình sống riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét; bà L đồng ý giao con tên Nguyễn Phi N, sinh ngày 23/10/2008 cho ông P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy giao con tên Nguyễn Phi N, sinh ngày 23/10/2008 cho ông P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà L không cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: bà L xác định không có nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy ông P có đăng ký thường trú tại ấp A, xã G, tỉnh A nhưng ông P vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông P theo quy định nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do và ông P cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bằng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), bà L phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, 82, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Phi N, sinh ngày 23/10/2008 cho ông Nguyễn Văn P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Hồng L phải nộp án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0011869 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà L đã nộp đủ án phí HNST.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 28/4/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5 – An Giang;
-THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh